

# Những đổi mới của Nguyễn Minh Châu trong dòng chảy văn học đương đại

Đỗ Hải Ninh\*

Viện Văn học

Ngày nhận bài 18/2/2020; ngày chuyển phản biện 24/2/2020; ngày nhận phản biện 27/3/2020; ngày chấp nhận đăng 30/3/2020

## Tóm tắt:

Nguyễn Minh Châu là trường hợp đặc biệt của văn học Việt Nam nửa sau thế kỷ XX, với vai trò một người mở đường trong giai đoạn giao thời. Là một trong những nhà văn thành công của thế hệ chống Mỹ nhưng ông đã sớm nhận thấy cần thiết phải thay đổi quan niệm, nhận thức và lối viết, điều đó được thể hiện một cách mạnh mẽ trong các tác phẩm và các tiểu luận. Bài viết nhìn lại những đổi mới của Nguyễn Minh Châu và ý nghĩa của những đổi mới ấy trong dòng chảy văn học Việt Nam đương đại. Không chỉ góp phần mở đường cho tiến trình đổi mới, những chuyển động trong hành trình sáng tác của Nguyễn Minh Châu đã phản chiếu chuyển động của nền văn học trên hành trình đổi mới.

**Từ khóa:** đổi mới, Nguyễn Minh Châu, văn học đương đại.

**Chỉ số phân loại:** 5.10

## **Từ chối văn học minh họa**

Ngay từ đầu những năm 1980, tác phẩm của Nguyễn Minh Châu đã nổi sóng dư luận bởi tinh thần đổi mới với những tiếng nói tự vấn khác lạ cho thấy ông đã dự cảm về một cuộc đổi mới văn chương đang sắp diễn ra. Ông cũng có không ít bài viết bày tỏ quan niệm văn chương bằng đổi mới như “Trang giấy trước đèn” hay “Viết về chiến tranh”, nhưng phải đến “Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa”, Nguyễn Minh Châu mới trực tiếp phát biểu một cách quyết liệt: từ chối văn học minh họa với thái độ dứt khoát, thậm chí cực đoan một cách cần thiết. Mặc dù đã từng gặp phải không ít ý kiến chỉ trích, nhưng đến nay những quan điểm của ông về hạn chế của văn chương một thời, về tư cách người nghệ sĩ và vấn đề tự do sáng tác vẫn còn nguyên giá trị. Nếu như Hoàng Ngọc Hiến, lấy cảm hứng từ nhận định của Nguyễn Minh Châu trong “Viết về chiến tranh”, là người đầu tiên định danh kiểu sáng tác theo “chủ nghĩa hiện thực phải đạo”<sup>1</sup> [1], thì Nguyễn Minh Châu cũng là người nhận ra “hình như trong ý niệm sâu xa của người Việt Nam chúng ta, hiện thực của văn học có

khi không phải là cái hiện thực đang tồn tại mà là cái hiện thực mọi người đang hy vọng, đang mơ ước” [2], từ đó chỉ ra lối viết minh họa đã chi phối và hạn chế sáng tạo nghệ thuật một giai đoạn đã qua và thẳng thừng tuyên bố tiễn biệt lối viết ấy. Có một sự thống nhất từ quan niệm nghệ thuật đến thực tiễn sáng tác của Nguyễn Minh Châu, mặc dù sự tiễn biệt văn học minh họa ấy phải diễn ra trong cả một quá trình, gắn với chặng đường sáng tác 10 năm cuối đời của nhà văn.

Nhìn trên phương diện đề tài, tác phẩm của Nguyễn Minh Châu những năm 1980 vẫn bám sát đời sống đang diễn ra, nhưng nếu quan sát kỹ, trên những vùng đất quen thuộc, tác phẩm của ông đã có màu sắc khác, đó là khả năng lật xới, mổ xẻ, phát hiện vấn đề từ cái nhìn của “kẻ khác”. Những chuyển dịch trong tự sự chiến tranh của Nguyễn Minh Châu tiêu biểu cho hành trình của văn học: từ miêu tả niềm vui ra trận đến thấu cảm “nỗi buồn chiến tranh”. Ngay từ những tác phẩm đầu tay, Nguyễn Minh Châu đã bắt nhịp với dòng chủ lưu của văn học bằng những tác phẩm đi thẳng vào hiện thực cuộc sống nơi cuộc chiến tranh đang diễn ra và đã gây được sự chú ý bởi khả năng khám phá thế giới tâm hồn con người và chất trữ tình đặc sắc trong tiểu thuyết qua *Mảnh trăng, Dầu chân người lính...* Sau khi chiến tranh kết thúc, mạch viết về chiến tranh của Nguyễn Minh Châu vẫn dồi dào, nhưng tâm thế nhà văn trở nên khắc khoải, trầm lắng hơn khi ông ngày càng nhận thức sâu sắc những nghịch lý của đời sống. Tiểu thuyết của Nguyễn Minh Châu đặt con người đứng trước những oái ăm, trở trêu, phi lý

<sup>1</sup>Hoàng Ngọc Hiến viết: “Để xác định những đặc điểm của văn học, nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua, chúng tôi xuất phát từ một số quan niệm và thị hiếu văn học có ảnh hưởng sâu rộng trong công chúng Việt Nam được nêu lên trong bài *Viết về chiến tranh* của Nguyễn Minh Châu. Theo ý chúng tôi, đó là một trong những bài phê bình văn học đáng chú ý nhất thời gian gần đây” (Hoàng Ngọc Hiến, “Về một đặc điểm của văn học và nghệ thuật của ta giai đoạn vừa qua”, *Văn nghệ*, số 23, ra ngày 9/6/1979).

\*Email: haininhph@yahoo.com

# Innovation of Nguyen Minh Chau in the flow of Vietnamese contemporary literature

Hai Ninh Do\*

*Institute of Literature*

Received 18 February 2020; accepted 30 March 2020

## Abstract:

Nguyen Minh Chau is a special case of Vietnamese literature in the second half of the twentieth century as a pioneer in the transitional period. As one of the successful case among writer's generation in the Vietnam War against America, he soon realised the need to change perspective, perceptions, and writing styles, which were strongly expressed in all of his works and essays. The paper looked back on Nguyen Minh Chau's innovations and their significance in the flow of Vietnamese contemporary literature. The movements in the creative journey of Nguyen Minh Chau not only contributed to pave the way for innovation process but also reflected the movement of the Vietnamese literature on the innovation journey.

**Keywords:** contemporary literature, literature innovation, Nguyen Minh Chau.

**Classification number:** 5.10

mà chiến tranh tạo ra: người chiến sĩ truy lùng tên ác ôn, bị hấn bắn lên trước khi tháo chạy lại trở thành người bảo trợ, chăm sóc đứa con bị bỏ lại của hấn; người mẹ đầy khổ đau, mất mát lại nhận nuôi con trai của kẻ đã bắn chết con trai mình (*Miền cháy*); có những người chiến đấu anh dũng quên mình trong chiến tranh khốc liệt nhưng đến khi hòa bình lại trở nên tha hóa, ích kỷ, cá nhân (*Những người đi từ trong rừng ra*). Trong truyện *Có lau*, chiến tranh đã tạo nên những tình huống khó có thể tưởng tượng và đoán định: Lực sau nhiều năm trận mạc đứng trước bức ảnh thời trẻ của mình như một người xa lạ, thấp hương trên ngôi mộ của chính mình, nhìn ngắm người cha ruột của mình nhưng chưa thể nhận ngay; tình yêu của Thai dành cho người chồng đã chết được người chồng mới vô cùng trân trọng, nhẫn nhịn chấp nhận; và cùng với đó là nghịch lý được nhận ra một cách thâm thúy, cay đắng: cỏ lau mọc tốt bởi trên vùng đất thấm đầy máu xương khiến con người không khai phá nổi, nhưng khi vùng đất chiến tranh được dọn dẹp để quy tập hài cốt liệt sĩ thì con người lại đánh nhau đến vỡ đầu để tranh giành đất. Trong *Mùa trái cóc ở miền Nam*, nghịch lý

là người anh hùng như Phác không chết trên chiến trường khốc liệt mà chết trong những ngày đầu hòa bình vì những lý do “lãng xẹt”; hay kẻ hèn nhát, giả tạo như Toàn trong hậu cứ, sau giải phóng lại nắm quyền lực và đưa ra những mệnh lệnh phi lý, người mẹ tìm đến gặp con trai sau 20 năm xa cách với những dòng nước mắt ướt đầm nhưng chỉ nhận được sự hững hờ, lạnh nhạt của đứa con trai... Nguyễn Minh Châu đã tạo nên một khoảng cách cho những tác phẩm viết về chiến tranh của chính ông ở hai giai đoạn bằng việc xoáy vào những nghịch lý và lựa chọn cách nhìn xuyên thấu, lộn trái, lật ngược để thấy được con người sâu khuất, phức tạp bên trong và sự phi lý, bạo tàn của chiến tranh mà sau đó Bảo Ninh đã đẩy sâu thêm trong *Nỗi buồn chiến tranh*<sup>2</sup>. Con người trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu được soi quét đến đáy, bóc từng lớp vỏ mà vẫn đầy bất ngờ, không thể hiểu hết: người trưởng đoàn chính sách đầy chiến công như Lực cũng có lúc phải đối diện với lỗi lầm của chính mình - đã gián tiếp gây nên cái chết của Phi (*Có lau*); người đàn bà làng chài bị chồng đánh đập và chấp nhận bị bạo hành vì hiểu thấu nỗi khổ, ức chế do cái nghèo đói, túng quẫn gây ra (*Chiếc thuyền ngoài xa*).

Tuy vậy, tác phẩm của Nguyễn Minh Châu vẫn còn lưu dấu màu sắc lãng mạn của giai đoạn trước, tiếp tục khám phá số phận con người và phát hiện vẻ đẹp tâm hồn, sự cao thượng như “những viên ngọc sáng ẩn giấu”. Nhân vật Quý, trên chuyến tàu tốc hành của đời mình, đã bỏ lỡ ga đợi của bác sĩ Thương đến với bến của Ph. để không bỏ lỡ tài năng của Ph., giúp anh viết tiếp ước mơ xây dựng tương lai của người yêu cũ (*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*). Trong *Con giông*, Thăng gặp lại Quang - kẻ phản bội hàng ngũ, từng tra tấn và hành hạ anh tới chết đi sống lại và cũng là kẻ đã dùng thủ đoạn đê hèn để quyến rũ người yêu của Thăng, nhưng anh vẫn tiếp đón cả gia đình lỡ độ đường của y bằng thái độ bình thản, nhã nhặn, đầy cao thượng. Với hình ảnh núi Đọi và những người phụ nữ chờ chồng, Nguyễn Minh Châu nối tiếp xây dựng biểu tượng núi vọng phu trong văn học truyền thống và trong chính các tác phẩm giai đoạn trước của ông (Nguyệt trong *Mảnh trăng cuối rừng*, bà Hạnh và cô con gái Hoàng trong *Bên đường chiến tranh*). Đó là biểu tượng người mẹ Việt Nam đau thương mà vẫn giàu nhân hậu, khoan dung (*Miền cháy*). Phải đặt trong bối cảnh văn học viết về chiến tranh cả giai đoạn trước đó mới thấy hết những chuyển dịch trong sự thay đổi cái nhìn của Nguyễn Minh Châu qua các tác phẩm như *Lửa từ những ngôi nhà*, *Miền cháy*, *Những người đi từ trong rừng ra*. Người phụ nữ bước ra từ chiến tranh của Nguyễn Minh

<sup>2</sup>Tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh* (Bảo Ninh) đã nhận được giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam (năm 1991), cùng Giải thưởng Simhun tại Hàn Quốc (năm 2016) và Giải thưởng Văn học châu Á (năm 2018). Tác phẩm này được dịch và xuất bản ở 20 quốc gia.

Châu vẫn mang những nét đẹp của người phụ nữ truyền thống chung thủy, đợi chờ. Hình ảnh đó cũng khác với những người phụ nữ thời chiến như Phương của Bảo Ninh - người phụ nữ với vẻ đẹp hiện đại, chày búng dữ dội, mãnh liệt khát khao, và bí ẩn như những mảng màu lập thể. Cái đẹp của Phương không phải như là vẻ đẹp của những nàng vọng phu chờ đợi, lặng lẽ hy sinh mà chỉ là con người với thân phận bé nhỏ tự đốt cháy mình trong cơn binh lửa chiến tranh. Vẫn là sự thâm nhập rất sâu và quan sát tinh tường về đời sống hậu chiến, cái nhìn của Nguyễn Minh Châu hướng đến những số phận éo le, tình huống tréo ngoe do chiến tranh tạo nên như Lục với cuộc trở về thấp hương trên mộ của mình (*Cỏ lau*). Tác phẩm của Nguyễn Minh Châu đấu đấu với những nghịch lý của cuộc sống hậu chiến, khi chiến tranh kết thúc là cơ hội cho kiều người vô cảm, hãnh tiến và giả tạo như Toàn (*Mùa trái cóc ở miền Nam*) hay tham lam và mảnh khốc, thực dụng như lão Bạng (*Mảnh đất tình yêu*) ngoi lên và nắm quyền lãnh đạo, chỉ huy. Xa hơn nữa là dự cảm của nhà văn về mâu thuẫn tất yếu giữa quá trình phát triển đô thị và sự mất mát, suy thoái của môi trường, văn hóa và nhân tính (*Sống mãi với cây xanh*). Phát hiện những nghịch lý là cách lý giải đời sống và con người từ chiều sâu bản chất, trong những chiều kích khác nhau, tránh được sự giản đơn, sơ lược, công thức của văn học giai đoạn đã qua.

Nguyễn Minh Châu vượt lên trên tầm vóc của thời đại bởi có những tác phẩm đã chạm đến suy tư về nhân tính. Sự truy vấn về con người và nhân tính sẽ trở thành một vấn đề được đề cập nhiều và nổi bật trong văn học giai đoạn đổi mới như một sự thức tỉnh của văn học mà Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh là những cây bút đặt ra ráo riết nhất... Trong *Miền cháy*, người lính có cơ hội bắn trúng kẻ thù nhưng đã chéch nòng súng đi chỉ vì có đứa bé trên lưng hắn. Nhân vật họa sỹ trong *Bức tranh* bị rơi vào tình huống buộc phải tự đối diện với bản thân để tự chất vấn nhân tính. Chính vì vậy con người trong truyện của Nguyễn Minh Châu trở nên đa diện: “lẫn lộn người tốt kẻ xấu, rồng phượng lẫn rắn rết, thiên thần và ác quỷ”. Nhân vật không được định giá, xếp loại như trước nữa mà là những thực thể đa tạp, thách thức khám phá những tầng chìm phía sau lớp mặt nạ, phía sau vai diễn hay phía sau bức ảnh chân dung. Cách khám phá về con người của Nguyễn Minh Châu cũng mới mẻ và khác biệt. Nguyễn Minh Châu đẩy nhân vật vào những trạng huống tâm lý đặc biệt với những đêm mộng du của Quỳ, những giấc mơ của lão Khúng, những ám ảnh tội lỗi trong quá khứ của nhân vật họa sỹ... Có thể nói, Nguyễn Minh Châu là một trong những tác giả sớm tìm kiếm và phát hiện những miền sâu thẳm thế giới tinh thần con người như một nhà phân tâm học. Với khả năng lách sâu vào thế giới tinh thần và phân tích tâm lý bằng cảm quan/tư duy hiện đại, mới mẻ, truyện của Nguyễn Minh Châu đã mở ra một vùng mới khác lạ về con người. Đặc biệt, từ con người sùng sùng, vĩ đại và

được “bao bọc trong bầu không khí vô trùng” trở thành con người đơn độc, bé nhỏ vừa khó nắm bắt, đầy nhảm lẫn và lỗi lầm, một kiểu con người sẽ được tìm thấy trong rất nhiều tác phẩm văn học sau Nguyễn Minh Châu, như một sự phản ứng lại cách nhìn con người “minh họa” trước đây. Văn xuôi của Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Nguyễn Khắc Trường, Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái có không ít những con người như vậy, khiến nhiều người cho rằng đó là sự bi quan, nhìn đời một cách đen tối nhưng nhìn rộng ra có thể thấy tính chất phản biện, cảnh tỉnh đó được xây dựng trên tinh thần nhân văn. Đó cũng là khẳng định của Nguyễn Thị Bình: “quan niệm con người đời thường”, “con người phạm tục”, “không hoàn hảo”, vừa giống như một sự đối thoại với quá khứ, khước từ những quy phạm cũ, vừa đề xuất hệ giá trị mới để đánh giá con người: hệ giá trị nhân bản [3].

### Trở về với cái tôi và những dự cảm thời đại

Nguyễn Minh Châu được đánh giá là “đi được xa nhất” (Nguyễn Ngọc) trên con đường đổi mới. Để đi xa đến thế, ông đã bắt đầu từ việc trở về với cái tôi của chính mình. Mầm mống của tinh thần đổi mới có thể được nhận thấy ngay từ trong giai đoạn chiến tranh, khi Nguyễn Minh Châu đã tự viết cho mình: “Trong cuộc chiến đấu để giành lại đất nước với kẻ thù bên ngoài hai mươi năm nay, trui rèn cho dân tộc ta biết bao nhiêu đức tính tốt đẹp như lòng dũng cảm, sự xả thân vì sự nghiệp của Tổ quốc... Nhưng bên cạnh đó hai mươi năm nay, ta không có thì giờ để nhìn ta một cách thật kỹ lưỡng” [4]. Ông viết về những gì mà bản thân đau đầu nhất: chiến tranh, hậu chiến, cái ác, sự tha hóa, nhân tính, sự cao thượng, tình yêu đất đai, món nợ cố hương... nhưng đằng sau đó là con người luôn đi tìm khuôn mặt, cái tôi của mình. Những tác phẩm như *Cỏ lau*, *Sấm vai*, *Bức tranh*, *Một lần đổi chứng*, *Mùa trái cóc ở miền Nam...* là hành trình từ đi tìm khuôn mặt người đến giải phẫu nội tâm - một hành trình tự thú gay gắt. Cuộc “giải phẫu não” trong khoảng thời gian cắt tóc và sự im lặng bình thản của người thợ cắt tóc thực chất là độc thoại của nhân vật với chính lương tâm mình (*Bức tranh*). Nhân vật họa sỹ tiêu biểu cho kiểu nhân vật sám hối, gặp lại người lính - nhân vật trong bức tranh danh tiếng khiến ông ta vô cùng day dứt bởi đã không thực hiện lời hứa. Thái độ điềm nhiên không hề tỏ ra quen biết khiến họa sỹ càng thêm dằn vặt, cố tình tìm đến cửa hiệu cắt tóc để tự đối diện với tòa án lương tâm bằng những cuộc đối chất trong tâm tưởng khi phơi khuôn mặt ra trước gương và dưới lưỡi dao của người thợ cắt tóc. Hình ảnh “*bộ mặt thật được lột ra khỏi cái mặt nạ hàng ngày*” (tác giả nhấn mạnh) là một ám ảnh nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu như là ý thức thường trực của nhà văn về cái thật - giả, cái bên ngoài - bên trong, cái phô diễn - giấu kín... Lối trần thuật thiên về độc thoại nội tâm khiến cho mạch truyện trở nên nặng nề, ám ảnh hơn. Trong *Cỏ lau*, nơi vùng đất đỏ nát và bao nhiêu biến thiên sau khi chiến tranh đi qua, người chiến



sĩ năm xưa ngấm bức ảnh của chính mình như một người xa lạ và tìm ảnh trong những khuôn mặt và dáng hình đủ kiểu, thậm chí phải chộp lấy trong chậu nước tráng ảnh đập dềnh xoáy nước là hình ảnh ẩn dụ của những con người đi tìm lại mình mà có lúc họ đã muốn trốn chạy, phủ nhận hay để lạc mất ở đâu đó. Bởi vậy, cuộc kiếm tìm con người của Nguyễn Minh Châu có thể coi là những mũi khoan vào via mạch ngầm con người. Cuộc truy tìm cái bản lai diện mục của con người một cách ráo riết khiến cho nhiều nhân vật tự hỏi: đâu mới chính là con người thực của mình? Những phút “bùng nổ” đáng chú ý của con người, nhất là người làm nghệ thuật là điểm sáng trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu giai đoạn này. Ý thức cái tôi cũng khiến cho Nguyễn Minh Châu tạo nên một vùng thẩm mỹ của riêng mình với những dự cảm mới mẻ, đầy bất ngờ. Dòng mạch ngầm chảy xuyên suốt trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu là làng quê nông thôn nhưng đến những tác phẩm cuối cùng sự trở về làng quê trở nên da diết và mạnh mẽ hơn trong *Khách ở quê ra*, *Phiên chợ Giát*. Cái nhìn hồi cố về quê hương, họ tộc, sự kết nối với làng quê bằng mối dây sâu nặng ẩn trong hình ảnh nhân vật lão Khúng và nhân vật Định. Trong các tác phẩm có bối cảnh nông thôn đó, Nguyễn Minh Châu đã nhận thấy những dấu hiệu hướng về đô thị của con người làng quê và ông cũng đặt nông thôn trong mối tương quan với đô thị. Đặc biệt, Nguyễn Minh Châu đã cho thấy tầm nhìn của một nhà văn lớn khi đề cập về con người trong mối quan hệ với tự nhiên trong rất nhiều tác phẩm: *Sống mãi với cây xanh*, *Một lần đối chứng*, *Cỏ lau*, *Khách ở quê ra*, *Phiên chợ Giát*... Những dự cảm về đời sống làm cho Nguyễn Minh Châu đi trước thời đại, mới mẻ hơn. Thiên hồi ký của cây sấu và cột điện trong *Sống mãi với cây xanh* là tiếng nói và cái nhìn của loài vật về con người như một phản đề về con người. Tình yêu đối với cây cối của bác Thông như tình yêu đồng loại, thậm chí như của người cha đối với lũ con bé bỏng, một cái cây bị đẵn giống như một thân thể bị làm thịt khiến bác đau đớn và cảm thấy mất mát. Bản báo cáo khai mạc đại hội các loài cây là một tuyên bố đầy tinh thần sinh thái: “Đúng, đời sống loài người là một chuỗi dài quá trình chinh phục thiên nhiên, nhưng cũng thật là thiếu thỏa đáng và thậm chí nguy hiểm nếu không nghĩ đến việc hòa hợp với thiên nhiên...”. Đúng như đề từ của tác phẩm ghi là “Thiên hồi ký cảm động của cây sấu và cây cột điện”, câu chuyện được nhìn từ điểm nhìn của loài vật, như một cách đối thoại với quan điểm lấy con người làm trung tâm, con người là những vật mà mặt đất dùng để trang điểm cho nó, cũng như những cảnh sắc thiên nhiên kia mà thôi. Những cuộc đối thoại con người - con vật, con người - cây cối giúp cho con người tự nhận thức sâu sắc hơn về chính mình và thế giới. Sự quan tâm đến tự nhiên trong mối quan hệ với con người là những dự cảm tinh tế của Nguyễn Minh Châu trước xu thế phát triển xã hội, đó là nỗi âu lo về thời đại cơ khí hóa, “con người ta sợ nhau nhiều hơn là sợ beo

trần, cộp hồ” hay công cuộc đô thị hóa, chặt cây làm đường, xây nhà làm mất đi sự gắn kết con người với thiên nhiên, con người với con người.

Trở về với chính mình, Nguyễn Minh Châu bộc lộ tình cảm sâu nặng với làng quê qua những câu chuyện in dấu bóng dáng xứ Nghệ quê hương ông. *Phiên chợ Giát* cho thấy sự đồng cảm với cuộc đời người nông dân lầm lũi, nhẫn nại gắn bó với đất đai, đồng ruộng như thân phận con bò. Phải là người giàu tình yêu và tha thiết với nông thôn mới có thể cảm nhận tinh tế thứ mùi hương quê đặc trưng như “mùi đất ẩm sương đêm lẫn mùi ngai ngái hăng hắc xông lên từ quang cỏ ông”. Mùi hương có thể đánh thức dậy những ký ức xa xưa “lần đầu tiên lão nhận thấy từ mái tóc và hơi thở của đứa con gái nhỏ phả ra mùi của các loài cỏ rất tươi non của đồng nội, vừa đắng, vừa ngọt, phải lúc lâu sau khi đứa con đã rời lão vừa khụt khịt như đang khóc vừa chạy vụt trở về với mẹ bên gốc vối, lão mới âm thầm nhận ra trên cơ thể của nó có cái mùi cỏ ông vừa cắt, cả mùi đất rừng hoang dã rất xa xưa đã ngủ kỹ trong ký ức của lão nhiều năm về trước, khi lão còn là một chàng trai trẻ cùng mẹ Huệ vừa từ dưới làng Khơi lần mò đặt chân lên đây”. Nguyễn Minh Châu miêu tả sự gắn kết con vật, con người và đất đai, cây cỏ trong cái im lặng của bóng đêm lúc gần về sáng từ những chi tiết của khứu giác nhạy cảm: con khoang đen lầy lăm sung sướng chun mũi hít hít, chỉ nó mới cảm nhận được đầy đủ mọi hương vị của đất mới được cày lật lên đang tỏa ra từ hai bên vệ đường, lão Khúng ngửi mùi mồ hôi của con bò thấm vào trong cái vòng dây chảo nó vẫn mang trên mình. Nhà văn cũng để cho nhân vật Định luôn ngẫm nghĩ về món nợ không bao giờ trả được đối với những người thân thích, ruột rà ở làng, “cái làng quê thân yêu và lâu đời” chỉ cần nghe giọng nói người làng cất lên trong đêm hành quân đã xiết bao mừng rỡ. Trong chuyến về thăm quê của Định vào phiên chợ Tết, nhân vật cảm nhận rằng thời gian ngưng đọng lại hàng mấy chục năm bởi mọi thứ dường như không có gì thay đổi, những thế hệ sau lớn lên lại là phiên bản của thế hệ trước (*Chợ Tết*). Chính vì vậy, một người đã “in gót chân khắp mọi chân trời xa lạ” như Nhĩ, những ngày cuối đời đã nhận ra sự giàu có lẫn mọi vẻ đẹp nơi *Bến quê* - bãi bồi sông Hồng ngay bờ bên kia, đó chính là chôn trở về nương náu của tâm hồn con người.

Nếu như trong văn học giai đoạn trước 1975, cái tôi cộng đồng được quan tâm chú ý, con người luôn được đặt trong cái “đời sống bao la của đoàn thể” thì với những cuộc trở về với cái tôi cá nhân của Nguyễn Minh Châu có ý nghĩa như một khúc ngoặt/sự khai mở trong hành trình đi tìm cái tôi của văn học Việt Nam hiện đại, Nguyễn Minh Châu cùng với những tác giả cùng thời như Nguyễn Khải, Ma Văn Kháng, Lê Lựu đặt ra vấn đề truy tìm “cái tôi đã mất” để văn học giai đoạn tiếp sau đó chứng kiến sự khẳng định ý thức cái tôi mạnh mẽ khi gia tăng chất vấn về sự tồn tại của con người.

### Nhận thức thế giới bằng tư duy của tiểu thuyết

Nguyễn Minh Châu luôn trăn trở về cuốn tiểu thuyết để đời: “Có lẽ phải viết một cuốn tiểu thuyết cho đời mình như người ta hay nói (...) Hay là cứ viết truyện vừa như thế này? Hoặc vừa viết truyện vừa, vừa viết cuốn tiểu thuyết ấy” [4]. Thời điểm Nguyễn Minh Châu bày tỏ những băn khoăn đó là khi ông đã thành công với truyện vừa *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* (1983), *Khách ở quê ra* (1985) và vừa hoàn thành xong *Cỏ lau*, *Mùa trái cóc ở miền Nam* (1987). Nguyễn Minh Châu dần đã trở thành tên tuổi đáng chú ý của văn học chiến tranh với các tiểu thuyết *Cửa sông*, *Dấu chân người lính*, *Miền cháy*, nhưng với ông, đó vẫn chưa phải là “cuốn tiểu thuyết cho đời mình”. Không phải lúc mắc trọng bệnh ông mới tìm đến truyện vừa mà đó như là một sự lựa chọn thể loại: truyện vừa là một cách nhận thức thế giới. Đến với truyện vừa, phải chăng Nguyễn Minh Châu muốn bàn đến nhiều vấn đề hơn, đa giọng hơn cái khung khổ mà truyện ngắn không đáp ứng hết. Nguyễn Minh Châu từng nhấn mạnh đến “*chất tiểu thuyết* - những khám phá của chiều sâu tâm lý và tính cách, cũng như tầm khái quát xã hội của ngòi bút tiểu thuyết khi trình bày những số phận con người” [5]. Theo ông tiểu thuyết rồi đây sẽ có hai loại: tiểu thuyết mang bối cảnh lịch sử và tiểu thuyết tâm lý, tiểu thuyết triết luận [5]. Điều đó cho thấy Nguyễn Minh Châu suy nghĩ khá nhiều về sự lựa chọn thể loại bởi đó không đơn giản là viết dài hay ngắn mà là cách tư duy về đời sống.

Sau khi chiến tranh kết thúc, Nguyễn Minh Châu vẫn tiếp tục viết tiểu thuyết nhưng cũng bắt nhịp nhanh chóng với các thể loại có dung lượng ngắn, kịp thời theo sát những chuyển động trong đời sống (truyện ngắn, truyện vừa, tiểu luận). Từ các cuốn tiểu thuyết *Miền cháy*, *Những người đi từ trong rừng ra* đến tập truyện *Cỏ lau* đều cho thấy những mối quan tâm lớn nhất của Nguyễn Minh Châu: chiến tranh và hậu chiến, người nông dân và nông thôn. Các tác phẩm ở giai đoạn này vừa cho thấy bút lực mạnh mẽ, vừa cho thấy những chuyển động trong hành trình sáng tác của một cây bút ở giai đoạn giao thời với những dùm dăng tiếp nối và cuộc bút thoát dần khỏi từ trường của văn học sử thi. Điểm đặc biệt là trong các sáng tác của ông những năm 1980 đã có truyện ngắn, truyện vừa mang tư duy tiểu thuyết. *Khách ở quê ra* và *Phiên chợ Giát* chính là những lát cắt khác nhau về cuộc đời lão Khúng. Nếu đọc độc lập, riêng lẻ, hoàn toàn là một cốt truyện riêng nhưng nhìn một cách tổng thể có thể xem đây là những mảnh ghép của tác phẩm dài hơi. Truyện *Phiên chợ Giát* có thể đọc như phần tiếp nối của *Khách ở quê ra*. Kiểu truyện liên hoàn cho thấy sức sáng tạo dồi dào của nhà văn khi cùng viết về miền đất nông thôn và số phận người nông dân nhưng có thể xoay nhìn từ những góc khác nhau. Điều đó cũng cho thấy Nguyễn Minh Châu luôn nghĩ tiếp, và cần viết tiếp, đào sâu tiếp như là những trăn trở không nguôi. Những truyện ngắn, truyện vừa của

Nguyễn Minh Châu lại chứa đựng chất tiểu thuyết nhiều hơn cả những tiểu thuyết. Đó chính là lý do khiến tác phẩm của ông không dễ được tiếp nhận một cách đồng thuận, không dễ hiểu, bởi tư duy tiểu thuyết là cách đặt ra những vấn đề không dễ trả lời. Trong cuộc thảo luận về truyện ngắn Nguyễn Minh Châu trên Báo *Văn nghệ*, đã có không ít ý kiến cho rằng truyện ngắn của tác giả “rối rắm, lan man, không dễ người đọc nắm chủ đích”, “không sao nắm bắt được cái điều anh muốn nói”, “có phần khó hiểu”<sup>3</sup>... Trong bối cảnh văn học “hiện thực xã hội chủ nghĩa” ngự trị một thời gian khá dài, người đọc quen với tư duy đơn giản, rõ ràng nên cảm thấy khó tiếp nhận tác phẩm có tính phức điệu của Nguyễn Minh Châu. Nhưng điều đó cho thấy, Nguyễn Minh Châu đã đi trước một bước bằng tư duy tiểu thuyết.

Bằng việc ra tạo ra nhiều điểm nhìn trong tác phẩm, Nguyễn Minh Châu tạo ra những giọng kể và tiếng nói khác nhau. Trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, có đến hai nhân vật “tôi” kể chuyện trong cốt truyện lồng ghép: tôi - người kể chuyện gặp nhân vật Quý, sau đó Quý xưng tôi kể chuyện, tạo nên sự bất ngờ khi lời kể của mỗi người dần hé lộ tính cách, cuộc đời nhân vật. Trong *Sống mãi với cây xanh* cũng có sự lồng ghép điểm nhìn: 1) Người kể chuyện xưng “tôi” - một người hàng xóm của bác Thông “phiên dịch ra tiếng người” thiên hồi ký của cây sấu và cây cột điện; 2) Người kể chuyện xưng “chúng tôi” - tức cây sấu và cây cột điện; 3) Người kể chuyện khách quan (không rõ có phải là cây sấu và cây cột điện). Rõ ràng tác giả muốn đa dạng hóa điểm nhìn thay vì trần thuật từ một điểm nhìn đơn nhất và đa thanh hóa giọng điệu kể chuyện. Cảm hứng triết luận và tính luận đề là xu hướng chi phối các cây bút “giao thời” như Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng... Trong nhiều tác phẩm vẫn còn sự can thiệp khá sâu của người kể chuyện “biết tuốt” tham gia vào mạch truyện, đưa ra quan niệm và kết luận của mình như là chỉ dẫn cho độc giả. Cách kể này thừa hưởng từ truyền thống và sau này vẫn được tiếp tục trong văn học, vẫn là một lựa chọn được nhà văn và độc giả yêu thích. Tinh thần hoài nghi, tra vấn của tiểu thuyết trong những truyện ngắn và truyện vừa của Nguyễn Minh Châu là cách để cho người đọc tò mò về con người và nghi ngờ những thứ tưởng đã trở thành chân lý, khiến cho tác phẩm của ông đến nay vẫn còn gợi mở đối thoại của người đọc.

Bên cạnh đó, cái hài hước chính là một trong những yếu tố của tiểu thuyết, giúp cho tác phẩm thoát khỏi “khoảng cách sử thi”, biến những gì nghiêm túc thành hài hước, biến mọi thứ trở thành nhập nhằng nước đôi. *Sống mãi với cây xanh* có cách vào chuyện dí dỏm: bác Thông nổi tiếng thật thà và là người có khả năng nói chuyện với đồ vật, cây cối,

<sup>3</sup>Báo Văn nghệ, số 27, ra ngày 6/7/1985.

đã kể cho nhà văn một thiên hồi ký của đất được dịch ra tiếng phổ thông của loài người, nhưng nhà văn tính “vốn cẩn thận cứ lo sợ cho hàm răng của mình, chỉ sợ chép sai lạc đi thì khốn” nên làm việc dễ hơn là ghi lại nguyên văn thiên hồi ký của cây sấu và cột điện. Cách giải thích hóm hỉnh của người kể chuyện để dẫn dắt người đọc và khẳng định tính xác thực của chuyện tạo nên điểm nhấn và sự hấp dẫn cho tác phẩm này. *Phiên chợ Giát* hội tụ đầy đủ yếu tố của một tiểu thuyết với tinh thần hài hước giễu nhại. Tác phẩm có cái hài hước thâm thúy với nụ cười ý nhị, chua xót, chẳng hạn như chi tiết "lão Khúng tỉnh dậy sau ác mộng biến thành bò, lão đuổi thẳng chân tay, sờ nắn từng cái bắp tay bắp chân một, thấy vẫn là loài người nguyên vẹn, lão yên tâm". Mặc dù không nhiều, nhưng sự xuất hiện của cái hài hước trong một số tác phẩm của Nguyễn Minh Châu, cùng với Lê Lưu, Nguyễn Khải, Ma Văn Kháng đang dần đưa tiểu thuyết trở lại chính là tiểu thuyết.

Từ sáng tác đến tiểu luận phê bình, Nguyễn Minh Châu đã thể hiện sự nhất quán tư tưởng đổi mới, mặc dù trong những bước chuyển đầu tiên, ông vẫn còn lưu luyến, dùng dằng với kiểu nhân vật và mô hình tác phẩm của giai đoạn trước. Trên hành trình sáng tạo không mệt mỏi và đầy quyết liệt, sự tìm tòi trong những hình thức nghệ thuật khác nhau

khiến cho tác phẩm của Nguyễn Minh Châu như đang tiếp diễn những đối thoại, không thỏa hiệp và không hoàn kết. Vượt qua những giới hạn của bản thân và thời đại mình, Nguyễn Minh Châu xứng đáng trở thành “người mở đường tài năng và tinh anh nhất” [6].

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Hoàng Ngọc Hiến (1979), “Về một đặc điểm của văn học và nghệ thuật của ta giai đoạn vừa qua”, *Văn nghệ*, số 23, tr.4.

[2] Nguyễn Minh Châu (1994), “Viết về chiến tranh”, trong *Trang giấy trước đèn* (Tôn Phương Lan sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu), Nhà xuất bản Khoa học xã hội, tr.54.

[3] Nguyễn Thị Bình (2007), *Văn xuôi Việt Nam 1975-1995: những đổi mới cơ bản*, Nhà xuất bản Giáo dục, tr.79.

[4] Nguyễn Ngọc (2009), *Di cảo Nguyễn Minh Châu*, Nhà xuất bản Hà Nội, tr.335.

[5] Nguyễn Minh Châu (1994), “Bên lề tiểu thuyết”, trong *Trang giấy trước đèn* (Tôn Phương Lan sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu), Nhà xuất bản Khoa học xã hội, tr.281-296.

[6] Nguyễn Ngọc (2002), “Nhớ về một nhà văn tài năng và tâm huyết”, *Nguyễn Minh Châu tài năng và sáng tạo nghệ thuật* (Mai Hương tuyển chọn và biên soạn), Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, tr.9-13.